

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hợp.

Bà Nguyễn Thị Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996, nơi ĐKTT: Tổ V, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Kim Q, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ V, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 19-11-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lưu Kim Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2015, tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hải, quận Đồ Sơn. Sau khoảng 01 năm chung sống thì giữa chị và anh Q phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Bên cạnh đó, anh Q thường xuyên uống rượu, bia rồi về nhà gây sự, xúc phạm chị và gia đình chị. Vì vậy, tình cảm giữa chị và anh Q ngày càng lạnh nhạt. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng hôn nhân của chị và anh Q vẫn không cải thiện được. Từ tháng 7 năm 2017, chị đã sống ly thân với anh Q. Do gia đình hai bên khuyên và anh Q xin lỗi sẽ thay đổi cách sống nên chị lại quay về chung sống cùng anh Q. Tuy nhiên, chỉ được thời gian ngắn, anh Q vẫn tiếp tục uống rượu quá đà rồi về chửi bới chị. Đến tháng 9 năm 2017, chị và anh Q cãi nhau, anh Q đuổi chị đi. Vì vậy, chị đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của chị ở Thôn H, xã T, huyện C từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, chị cũng không có nguyện vọng quay về chung sống cùng anh Q nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

- Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Lưu Kim Mai T, sinh ngày 08-8-2016. Chị nhận nuôi cháu Mai T, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ghi ngày 27-11-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lưu Kim Q trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung như chị T trình bày là đúng. Gần đây, hai vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, không còn hòa hợp, hạnh phúc như trước. Nguyên nhân là do chị T còn quá trẻ, suy nghĩ còn nông cạn, tính tình trẻ con. Anh lại hơn chị T nhiều tuổi nên suy nghĩ và cách sống của hai vợ chồng thường trái ngược nhau. Anh đã khuyên chị T thay đổi lối sống của mình để vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng chị T vẫn không thay đổi. Bố mẹ chị T lại chiều chuộng và bênh chị T nên chị T càng cho mình là đúng. Khoảng mấy tháng nay, chị T đã tự bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở thôn H, xã T, huyện C để sinh sống. Từ đó đến nay, anh, chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Khi bỏ đi, chị T có mang theo cháu Mai T về nuôi, sau một thời gian không nuôi được nên lại gọi cho anh ra đón con về nuôi. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Tại Bản tự khai ghi ngày 27-11-2017, anh đồng ý để chị T nuôi con; do anh không có thu nhập ổn định nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con, khi nào có điều kiện anh sẽ tự nguyện chu cấp cho con. Tại phiên hòa giải ngày 01-3-2018, anh nhận nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị T có một chiếc xe máy HONDA nhãn hiệu VISION, mua năm 2017, biển kiểm soát 15M1-072.12, tuy đứng tên của chị T nhưng là tiền của cả hai vợ chồng trong khi còn chung sống. Hiện nay, chiếc xe này có giá khoảng 30 triệu đồng do chị T đang sử dụng. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết để cho chị T tiếp tục được sử dụng xe nhưng phải trả lại cho anh một nửa giá trị của xe là 15 triệu đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 01-3-2018, chị T và anh Q thống nhất ly hôn và chia tài sản chung như sau: Anh, chị có tài sản chung là chiếc xe máy HONDA nhãn hiệu VISION, mua năm 2017, biển kiểm soát 15M1-072.12. Hiện nay, chiếc xe có giá trị là 20.000.000 đồng. Anh Q được sở hữu chiếc xe máy này và phải trả cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe là 10.000.000 đồng. Về con chung, cả chị T và anh Q đều nhận nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trước khi mở phiên tòa, anh Q có đơn rút yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung; chị T và anh Q thống nhất giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con, giao cháu Mai T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con anh, chị tự thỏa thuận; đồng thời, có đơn đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh Q, giao cháu Lưu Kim Mai T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận việc rút yêu cầu phản tố của anh Q về chia tài sản chung.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Trả lại anh Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản khi ly hôn, bị đơn là anh Lưu Kim Q, sinh năm 1981, cư trú tại: Tổ V, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại Đơn đề nghị đề ngày 28-3-2018, chị Nguyễn Thị T và Q đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, chị. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả chị T và anh Q.

Về hôn nhân:

[3]. Chị T và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2015, tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hải, quận Đồ Sơn. Theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Chị T và anh Q chỉ chung sống hòa thuận khoảng một năm đầu sau kết hôn. Sau đó, trong cuộc sống, chị T và anh Q không có sự hòa hợp, anh Q thường xuyên uống rượu, bia rồi gây sự, xúc phạm chị T và gia đình chị T. Thậm chí, anh Q còn nhiều lần đánh đập chị T. Đến tháng 9 năm 2017, chị T và anh Q cãi nhau, chị T đã bỏ về sinh sống cùng bố, mẹ đẻ của chị ở thôn H, xã T, huyện C cho đến nay. Trong thời gian này, anh Q đã ra nhà bố, mẹ đẻ của chị T gây sự, chửi bới, Công an xã Trân Châu đã lập biên bản giải quyết sự việc. Lời khai của chị T về tình trạng hôn nhân trong quá trình tham gia tố tụng là đúng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được. Có thể thấy, trong cuộc sống hôn nhân, anh Q thường xuyên có hành vi bạo lực đối với chị T, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; từ khoảng tháng 9 năm 2017 đến nay, chị T và anh Q đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa; anh Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị T. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Q, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là Lưu Kim Mai T, sinh ngày 08-8-2016. Trước khi mở phiên tòa, chị T và anh Q đã thống nhất giao cháu Mai T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh, chị. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Mai T dưới 36 tháng tuổi; chị T có thu nhập và nơi cư trú ổn định, có nhân thân tốt nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Việc giao cháu Mai T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của cháu, phù hợp với nguyện vọng của chị T và anh Q. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T và anh Q tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về chia tài sản chung: Anh Q có yêu cầu phản tố đối với chị T về việc chia tài sản chung là 01 chiếc xe máy HONDA nhãn hiệu VISION, mua năm 2017, biển kiểm soát 15M1-072.12. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa, anh Q đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố của mình. Xét thấy, việc rút yêu cầu phản tố là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố về chia tài sản chung của anh Q theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

[7]. Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8]. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố do anh Q rút yêu cầu phản tố nên anh Q được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9]. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 218, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lưu Kim Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Lưu Kim Mai T, sinh ngày 08-8-2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi chị T và anh Q có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung:

3.1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của anh Q về chia tài sản chung khi ly hôn về chiếc xe máy HONDA nhãn hiệu VISION, biển kiểm soát 15M1-072.12, người đứng tên chủ xe là Nguyễn Thị T.

3.2. Anh Q có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án về chia tài sản chung.

4. Về án phí:

4.1. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai số 0006752 ngày 20-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Trả lại anh Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 375.000 (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng, theo Biên lai số 0006775 ngày 23-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND. thành phố Hải Phòng;
- VKSND. quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS. quận Đồ Sơn;
- UBND. phường Ngọc Hải;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hợp Nguyễn Thị Ninh

Phạm Hữu Trường